

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17-02-2020
V/v “Ly hôn, t/c về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Xuân Sơn
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Xuân Tháp
2. Ông Huỳnh Bình

*** Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 544/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Hẻm 195, Ấp S, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Ngô Thái H, sinh năm: 1980

Hộ khẩu thường trú: Hẻm 195, Ấp S, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Số nhà 46/6, Hẻm 46, đường Dốc Bà Bành vào Phi Trường, ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Chị M có mặt, anh H xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ và phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Thái H tự nguyện tìm hiểu và kết

hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41 quyền số 01/08, cấp ngày 03/11/2008. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ khoảng 5 năm trở lại đây, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn về mặt tình cảm, do quan điểm của vợ chồng không đồng nhất nên thường xung đột và không còn tôn trọng nhau. Cụ thể: anh H không chịu đi làm mà cứ nhậu, sau đó về tìm lý do chửi vợ, con và có lời lẽ xúc phạm gia đình chị, làm cho cuộc sống gia đình nặng nề. Chị và anh H cùng gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không thay đổi nên chị đã ly thân anh H từ đầu năm 2019 cho đến nay. Nay chị thấy đời sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống với nhau nên chị làm đơn này xin ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Ngô Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 02/10/2011. Hiện con chung do anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm công nhân Công ty TNHH Chanshin thu nhập khoảng 13.000.000 đồng/tháng, có đủ điều kiện nuôi con. Tại phiên tòa, chị M thay đổi yêu cầu về nuôi con, cụ thể: Chị đồng ý giao cháu N cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm thời chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo lời khai có tại hồ sơ, bị đơn anh Ngô Thái H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị M tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Sau khi kết hôn anh chị sống tại Ấp S, xã T, huyện V. Quá trình chung sống thì chị M làm ăn gây nợ nần khiến anh phải bán nhà để trả nợ. Trả nợ xong thì chị M làm đơn xin ly hôn. Trước khi ly hôn chị M đã để con lại cho anh nuôi dưỡng và bỏ nhà đi ở nơi khác mà không chịu hàn gắn đoàn tụ. Từ khi chị M bỏ đi ở nơi khác thì không còn quan tâm, chăm sóc chồng, con, vợ chồng không còn sống chung với nhau. Mâu thuẫn của anh chị chưa qua chính quyền địa phương hòa giải nhưng gia đình hai bên biết, có hòa giải nhưng chị M vẫn không nghe để vợ chồng hàn gắn. Nay anh không còn tình cảm gì với chị M, không muốn hàn gắn nhưng không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị M có 01 con chung tên là Ngô Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 02/10/2011. Hiện con chung đang do anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn anh yêu cầu nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh làm thầu xây dựng thu nhập trung bình khoảng 12.000.000 đồng/tháng, có đủ điều kiện nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Do bận việc nên anh xin vắng mặt khi Tòa án xét xử.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về thủ tục tố tụng:
- + Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ;
- + Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền;
- + Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định;
- + Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.
- + Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự: Nguyên đơn, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt gây khó khăn cho công tác xét xử.
- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh H đã có mâu thuẫn trầm trọng, chị M xin ly hôn, anh H không đồng ý nhưng xác định không còn tình cảm, không muốn hàn gắn với chị M nên đề nghị cho chị M được ly hôn anh H. Về quan hệ con chung: Chị M và anh H có 1 con chung. Đề nghị giao cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng và chị M không phải cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Án phí: Chị M phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Hồng M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về quan hệ hôn nhân và thay đổi yêu cầu khởi kiện tranh chấp về nuôi con; anh Ngô Thái H xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết theo quy định.

[2]. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Hồng M khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Ngô Thái H, nơi cư trú: Số nhà 46/6, Hẻm 46, đường Dốc Bà Bành vào Phi Trường, ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định chị Nguyễn Thị Hồng M là nguyên đơn, anh Ngô Thái H là bị đơn; quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng M và anh Ngô Thái H kết hôn với nhau năm 2008, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 01/08 ngày 03/11/2008 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh H là có thật, đã trầm trọng và kéo dài, thể hiện: Chị M và anh H đều thừa nhận, mâu thuẫn của anh chị

phát sinh do bất đồng về vấn đề kinh tế và nợ nần, anh chị đã nhiều lần hòa giải, hàn gắn nhưng không có kết quả. Anh chị đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay; Lời thừa nhận của chị M, anh H cũng phù hợp với kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần mời chị M, anh H đến Tòa án để làm việc, hòa giải nhưng chị M vẫn kiên quyết ly hôn, anh H không đến Tòa án và xác định không còn tình cảm với chị M, không muốn hàn gắn đoàn tụ nhưng không muốn ly hôn. Trên cơ sở đó cho chị Nguyễn Thị Hồng M được ly hôn với anh Ngô Thái H.

[4]. Về con chung: Chị M và anh H có 01 con chung tên là Ngô Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 02/10/2011. Hiện con chung đang do anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Lý hôn, anh H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng; Chị M đồng ý giao con chung cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm thời chị M không phải cấp dưỡng nuôi con; Ý kiến của cháu Ngô Nguyễn Tuyết N muốn ở với anh H. Xét thấy, ý kiến của chị M và anh H đã thống nhất được với nhau về việc nuôi con chung và phù hợp với ý kiến của cháu N nên ghi nhận. Do đó, giao con chung là Ngô Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 02/10/2011 cho anh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục và tạm thời chị M không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị M được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị M, anh H không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị Nguyễn Thị Hồng M phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0002237 ngày 10/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử như đã nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 48, 68, 147, 220, 227, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 85, 87, 88, 89, 91, 92, 93 và Điều 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí

Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng M được ly hôn với anh Ngô Thái H.

[2]. Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng M và anh Ngô Thái H có 01 con chung tên là Ngô Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 02/10/2011. Hiện nay cháu N do anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung là Ngô Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 02/10/2011 cho anh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời chị M không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị M được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng M phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0002237 ngày 10/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hồng M được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Ngô Thái H được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND huyện Vĩnh Cửu (02);
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu (01);
- UBND xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang (01);
- Lưu hồ sơ, VP (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà
(đã ký tên, đóng dấu)

Võ Xuân Sơn